



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~2978~~/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày ~~15~~ tháng ~~10~~ năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 376/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1934/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 cho Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ chi bảo đảm xã hội và chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Các định chế tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của Bộ Tài chính (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Các định chế tài chính, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Ngô Văn Tuấn (để b/c);
- Các Vụ: NSNN, KTN;
- Kho bạc nhà nước;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Cục CNTT (để công khai);
- Lưu: VT, ĐCTC. (5b)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG


Nguyễn Đức Chi

Phụ lục II

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ
CHO BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 2978/QĐ-BTC ngày 15/10/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao (Quyết định số 1934/QĐ-TTg ngày 06/10/2026 của Thủ tướng Chính phủ)	Số chưa phân bổ	Tổng số đã phân bổ cho BHXH Việt Nam (Quyết định số 2977/QĐ-BTC ngày 15/10/2026)
	DỰ TOÁN CHI NSNN	4.576.925	0	4.576.925
I	Nguồn ngân sách trong nước	4.576.925	0	4.576.925
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	1.219.312	0	1.219.312
a	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>	1.219.312	0	1.219.312
b	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>			
2	Chi bảo đảm xã hội	3.357.613	0	3.357.613
a	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>	3.357.613	0	3.357.613
b	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>			
II	Nguồn vốn viện trợ	0	0	0
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
2	Chi bảo đảm xã hội			
III	Nguồn vay nợ nước ngoài			
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0
2	Chi bảo đảm xã hội			